

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- a) Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Bộ Tham mưu/Binh chủng Đặc công
- b) Tên gói thầu: MS-04/2026: Mua vật chất bảo đảm HLCN
- c) Tên Dự toán mua sắm: MS-04/2026: Mua vật chất bảo đảm HLCN
- d) Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ
- e) Loại hợp đồng: Trọn gói
- f) Thời gian thực hiện gói thầu: 20 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu kỹ thuật chung

- Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy định của nhà sản xuất (đối với những mặt hàng thông dụng). Và cung cấp các hàng hóa gia công mới 100%, sản xuất năm 2026.

- Hàng hóa sẵn có phải thể hiện rõ ràng, đầy đủ: Model, ký mã hiệu, hãng sản xuất và xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

- Nhà thầu phải cung cấp đúng chủng loại và khối lượng hàng hoá nêu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa của E-HSMT.

- Nhà thầu phải đổi hàng hóa mới 100% nếu hàng hóa bị lỗi của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành.

- Nhà thầu phải có biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn lao động trong quá trình thực hiện.

- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu trong đó thể hiện đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hoá đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa Bản tuyên bố đáp ứng kỹ thuật và Catalogue, các tài liệu trong E-HSMT.

- Hàng hóa chào thầu phải được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng tối thiểu 12 tháng và thời gian bảo trì tối thiểu 24 tháng.

- Thời gian khắc phục sự cố, sửa chữa tối đa 48 giờ kể từ khi Nhà thầu nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, khắc phục sự cố, sửa chữa khi không cử cán bộ kỹ thuật trong thời gian 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc khắc phục sự cố, sửa chữa trong thời gian

hàng hóa còn bảo hành.

b) Yêu cầu kỹ thuật cụ thể

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, catalogue, ... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp Bên mời thầu nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT.

- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.

- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:

+ Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;

+ Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);

+ Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;

+ Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;

+ Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.

- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải cung cấp thêm một biểu mẫu đặc biệt để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận.

- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại Mẫu số 01A và 01B Chương IV.

Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT.

[Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó].

Hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn													
1	Quần áo dài	<p>a) Hình dáng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo: Kiểu áo sơ mi chít gấu, cổ bẻ. Hai bên đầu cổ thừa khuyết để đeo phù hiệu kết hợp cấp hiệu. Thân trước trên ngực áo có hai túi ốp nổi, nắp túi được liên kết với thân túi bằng nhám dính; phía trên túi ngực, bên phải gắn biển tên, bên trái có có biểu tượng binh chủng Đặc công dẹt. Nẹp áo có đấp rời thừa khuyết cài cúc ngầm, đầu đai cài hai cúc. Thân sau có cầu vai xếp 2 ly. Tay áo dài, có măng séc cài cúc; giữa khuỷu tay có đấp tăng cường; tay áo bên trái gắn lô gô Binh chủng. - Quần: Kiểu quần âu dài. Thân trước xếp một ly lật về bên sườn, có hai túi chéo; giữa gò có đệm gò xếp ly, tại vị trí xếp ly có gắn dây nhôi vào mặt trái; cửa quần gắn Phéc-mơ-tuya. Thân sau có hai túi hậu bỏ cơi có nấp, nắp túi liên kết với thân túi bằng nhám dính; hai bên có đấp hông tăng cường. Cạp quần có sáu dây nhôi để luồn dây lưng; hai bên cạp thiết kế dây điều chỉnh vòng bụng. Phía dưới ống quần gắn dây nhôi cài cúc. <p>b) Yêu cầu về nguyên liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu chính: Vải Xicaro CVC in loang có các chỉ tiêu kỹ thuật quy định trong tiêu chuẩn TCVN/QS 1766: 2014; - Vải lót: Vải Ka-te K14 có các chỉ tiêu kỹ thuật quy định trong tiêu chuẩn TCQS/227:2014/TCHC/QN. - Cúc nhựa: Cúc nhựa được sản xuất từ nguyên liệu nhựa nhiệt cứng và phụ gia màu hoặc nguyên liệu nhựa có tính chất và chất lượng tương đương; <p>c) Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Thông số kích thước sản phẩm gồm các cỡ: 3; 4; 5 có các chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại bảng sau: <div style="text-align: right; margin-right: 20px;"><i>DVT: cm</i></div> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Tên chi tiết</th> <th colspan="3">Mức</th> <th rowspan="2">Dung sai</th> </tr> <tr> <th>Cỡ</th> <th>Cỡ</th> <th>Cỡ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>	Tên chi tiết	Mức			Dung sai	Cỡ	Cỡ	Cỡ					
Tên chi tiết	Mức			Dung sai											
	Cỡ	Cỡ	Cỡ												

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn			
		3	4	5	
	I. Áo				
	<i>Thân trước</i>				
	Từ đầu vai đến hết đai	62	4	66	0,6
	Chiều rộng ngang nách	29	30	31	0,2
	Chiều rộng ngang đai	28	29	30	0,3
	Chiều rộng đai	5,5	5,5	5,5	0,2
	<i>Thân sau</i>				
	Chiều dài từ gáy đến hết đai	64	67	69	0,5
	Chiều rộng ngang nách	55	57	59	0,5
	Chiều rộng ngang đai	54	56	58	0,5
	Chiều dài đai đã chun	96	100	104	1
	Chiều dài đoạn chun đai	14	14	14	0,2
	Chiều rộng cầu vai	46	47	48	0,3
	Chiều rộng chân cầu vai	44	45	46	0,3
	Chiều rộng giữa cầu vai	9	9	9	0,2
	Xếp ly cách cầu vai	9	9	9	0,2
	<i>Tay</i>				
	Chiều dài tay măng séc	59	61	63	0,6
	Chiều rộng 1/2 bắp tay	23	24	25	0,4
	Chiều dài măng séc	25	26	27	0,3
	Chiều rộng măng séc	6,5	6,5	6,5	
	Chiều dài sẻ cửa tay	10	10	10	
	<i>Cổ ve</i>				
	Chiều dài cổ đo sát chân cổ	40	42	44	0,4
	Chiều dài cổ đo sát đầu cổ	45	47	49	0,5
	Chiều rộng cổ giữa gáy	7,5	7,5	7,5	0,
	Chiều rộng 2 đầu cổ	3	373,5	7,5	0,2
	Xẻ ve				
	<i>Túi</i>				
	Chiều rộng miệng túi	12	12,5	13	0,2
	Chiều rộng đáy túi	13	13,5	14,5	0,2
	Chiều dài túi	15	15,5	16	0,2
	Chiều rộng nắp túi chỗ sồi	6,7	6,9	7,1	
	Chiều rộng nắp túi 2 đầu	5,2	5,4	5,6	
	Chiều rộng đố t i	3,2	3,2	3,2	
	Gấp góc túi	2,2	2,2	2,2	
	Túi cách mép kẹp	6,5	7	7,5	
	Hạ túi	18,5	19	20,5	
	<i>Đai vai</i>				
	Bản đĩa vai to chiều dài x rộng	3,5x 2,5	3,5x2, 5	3,5x 2,5	
	Bản đĩa vai nhỏ chiều dài x rộng	3x1, 5	3x1,5	3x1, 5	
	Đĩa vai to cạnh ngoài cách đường tra tay	1,5	1,5	1,5	
	Cạnh trong cùng dây vai nhỏ cách đường tra tay	10	10	10	
	<i>Thùa khuyết, cúc</i>				

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn				
		Khuyết trên cách xẻ ve	2	2	2	
		Khuyết dưới cách đai	6,5	7	7,5	
		Khuyết cách mép nẹp	1,5	1,5	1,5	
		Khuyết đai cách cạnh	1,2	2,5	2,5	
		Cúc nẹp	Vị trí tương ứng với khuyết nẹp			
		II. Quần				
		<i>Thân trước</i>				
		Chiều dài quần không cạp đo theo dọc quần	94	97	100	1,0
		Chiều rộng toàn bộ cạp	78	82	86	0,5
		Chiều rộng cạp đã chiết ly	18,5	19,5	20,5	0,2
		Chiều rộng xếp ly	3	3	3	
		Chiều rộng dây điều chỉnh	2	2	2	0,1
		Chiều rộng mở luồn dây điều chỉnh	2,1	2,1	2,1	0,1
		Chiều dài dây điều chỉnh tới điểm chặn	22	23	24	0,3
		Đầu dây điều chỉnh mở luồn dây	5	5	5	
		Chiều rộng thân trước ngang đũng	30	31	32	0,3
		Chiều rộng thân trước ngang gối	24	24,5	25,5	0,2
		Chiều rộng iêng túi	15,5	16	16,5	0,2
		Chặn túi cách chân cạp	3	3	3	
		Chiều rộng toàn bộ ống	22	23	24	0,5
		Chiều rộng cạp	4	4	4	0,1
		Moi cúc chiều dài x rộng	3,5x19	3,5x19,5	3,5x20	0,1
		Chiều rộng moi cúc	3,5	3,5	3,5	
		Dây nhôi lưng chiều dài x rộng	5x1	5x1	5x1	0,1
		Chiều rộng gấu quần	3	3	3	0,1
		<i>Thân sau</i>				
		Chiều dài từ cạp đến hết gấu (đo bên sườn)	94	97	100	1,0
		Chiều rộng cạp đã chiết ly	20,5	21,5	22,5	0,2
		Chiều rộng ngang đũng	40	41	42	0,3
		Chiều rộng ngang gối	28,5	29	29,5	0,2
		Chiết ly sau chiều dài x rộng	10x3	10x3	10x3	0,1
		Nhôi cài khuy ống cách gấu	6	6	6	0,1
		<i>Khuyết, cúc</i>				
		Khuyết cách mở nhọn cạp	1,2	1,2	1,2	0,2
		Cúc cách mở luồn dây	5	5	5	0,2
		Khoảng cách 2 cúc điều chỉnh	3	3	3	0,2
		<i>Lót túi</i>				
		Chiều dài lót túi	30	30	31	0,3
		Chiều rộng lót túi	15	15	16	0,2
		- Yêu cầu về cắt				
		+ Các chi tiết sản phẩm cắt đảm bảo canh sợi vải;				
		+ Các chi tiết cắt dọc sợi vải: Thân quần, thân áo, tay áo, cổ áo, đai áo, măng séc tay, đĩa vai, cầu vai, nẹp áo, ve áo, cạp quần, túi				

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn													
		<p>quần, dây lưng, dây điều chỉnh, moi quần; + Các chi tiết cắt ngang sợi vải: Nắp túi, lót cạp. - Yêu cầu về các đường may + Đường may cách mép 0,1 cm: Chân cổ, chân ve, tra măng séc, đai áo, vê cửa tay, đĩa vai, dây lưng, dây điều chỉnh, mí xung quanh túi áo, chân cạp, moi khuy cúc; + Đường may cách mép 0,4 cm: Nẹp ngoài, nẹp trong, điều nắp túi, miệng túi quần, cổ áo xung quanh măng séc tay, đai áo (không điều vào chun), điều trên cạp, cạnh moi khuy cúc; + Đoạn chun đai áo may 2 đường may tạo thành 3 phần đều nhau; + Đường may cách mép 0,7 cm: Điều gáy nắp túi, viền cửa tay, miệng túi quần; + Đường may 2 đường song song 0,7 cm (có thể cuốn hồng công hoặc may máy chuyên dụng): Tra tay, sườn, vai con, cầu vai, dọc quần, giàng quần, giáp lưng quần, mở luồng dây điều chỉnh; + Đường may cách mép 3 cm: Gấu quần; + Đường may cách mép 5 cm: Nẹp áo; + Chun đai áo chiều rộng 5 cm, may chặn chắc chắn 2 đầu chun; + Miệng túi áo chặn chữ nhị cách nhau 0,4 cm 3 lần chỉ, thân túi cách đường điều nắp túi 0,7 cm; - Yêu cầu về thừa khuyết: Khuyết thừa phải bám sát đủ mật độ (14 mũi chỉ/1 cm) chắc chắn, không sờ tuột, cắt sạch đầu chỉ. Đính theo hình chữ nhị, mỗi cặp lỗ 8 lần chỉ, chắc chắn không bị dẫn dùm, tuột chỉ. Đính cúc bằng máy chuyên dụng tết chân, vị trí đính cúc tương ứng của Khuyết;</p>													
2	Quần áo cộc	<p>- Yêu cầu chung + Áo: Kiểu áo sơ mi Bludông chui đầu mặc được 2 mặt, đai liền vải với thân, đai bo chun, áo cổ đứng có chân, cộc tay. Nẹp cài 4 cúc ngầm và 1 cúc cổ, thân trước bên trái có 1 túi ngực may ngầm phía trong, miệng túi dán kẻ dính, có 1 khuyết thừa đáy túi. Thân cầu vai xếp 4 ly; + Quần: Kiểu quần 4 thân mặc được 2 mặt, cạp quần may chun. Trên cạp thân trước có thừa 2 lỗ khuyết luồn dây rút tăng cường, Gấu quần thân trước gắn dây điều chỉnh, đầu nhọn dây có thừa khuyết; trên gấu quần gắn 2 đĩa (luồn dây điều chỉnh) vào thân trước và thân sau về phía hai bên giàng quần; gấu quần được đính 2 cúc về thân sau. - Yêu cầu về nguyên liệu + Nguyên liệu chính: Vải Xicaro CVC in loang có các chỉ tiêu kỹ thuật quy định trong tiêu chuẩn TCVN/QS 1766: 2014; + Cúc nhựa: Được sản xuất từ nguyên liệu nhựa nhiệt cứng và phụ gia màu hoặc nguyên liệu nhựa có tính chất và chất lượng tương đương; - Chỉ tiêu kỹ thuật + Yêu cầu về kích thước: Gồm các cỡ: 3; 4; 5 có các chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Phụ lục sau:</p> <p style="text-align: right;"><i>DVT: cm</i></p> <table border="1" data-bbox="600 1960 1473 2060"> <thead> <tr> <th data-bbox="600 1960 1150 2060" rowspan="2">Tên chi tiết</th> <th colspan="3" data-bbox="1150 1960 1398 1995">Mức</th> <th data-bbox="1398 1960 1473 2060" rowspan="2">Dung sai</th> </tr> <tr> <th data-bbox="1150 1995 1246 2060">Cỡ 3</th> <th data-bbox="1246 1995 1321 2060">Cỡ 4</th> <th data-bbox="1321 1995 1398 2060">Cỡ 5</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="600 2060 1150 2060"></td> <td data-bbox="1150 2060 1246 2060"></td> <td data-bbox="1246 2060 1321 2060"></td> <td data-bbox="1321 2060 1398 2060"></td> <td data-bbox="1398 2060 1473 2060"></td> </tr> </tbody> </table>	Tên chi tiết	Mức			Dung sai	Cỡ 3	Cỡ 4	Cỡ 5					
Tên chi tiết	Mức			Dung sai											
	Cỡ 3	Cỡ 4	Cỡ 5												

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn				
		I. Áo				
		<i>Thân trước</i>				
		Từ đầu vai đến hết đai	61,5	63,5	65,5	0,5
		Chiều rộng nẹp	3,5	3,5	3,5	
		May chặn nẹp cách mép gấu	7	7	7	
		Chiều rộng ngang nách	3	31	32	0,3
		Chiều rộng ngang gấu	29	30	31	0,3
		Chiều rộng gấu	4	4	4	
		Chiều dài đai đã chun	84	87	90	1
		<i>Thân sau</i>				
		Từ chân xuống mép gấu	64	66	68	0,6
		Chiều rộng ngang nách	57	59	61	0,6
		Chiều rộng ngang gấu	56	58	60	0,6
		Cầu vai				
		Chiều rộng cầu vai	8	8,5	9	0,2
		Chiều rộng vai	45	46	47	0,5
		Chiều rộng chân cầu vai	43	44	45	0,5
		Xếp ly ngoài cách đầu vai	8	8	8	0,2
		Ly trong cách ly ngoài	1	1	1	
		<i>Tay</i>				
		Chiều dài tay	24	25	26	
		Chiều rộng ½ bắp tay	23	24	25	
		Chiều rộng ½ bắp tay	19,5	20,5	21,5	
		Cửa luồn dây điều chỉnh cách bụng tay về phía trước	3	3	3	
		Chiều rộng đáp cửa tay	2,7	2,7	2,7	
		Dây điều chỉnh của tay				
		Dây điều chỉnh chiều dài x chiều rộng	27,5 x 2	28,5 x 2	29,5 x 2	
		Đầu nhọn cách miệng cửa luồn dây	1,5	1,5	1,5	
		Dây đĩa gấu tay: Chiều dài x chiều rộng	27x 05	27x 05	27x 05	
		<i>Túi áo</i>				
		Từ đầu vai trong xuống miệng túi	15,5	16		16,5
		Túi cách mép nẹp	6,5	6,7	6,7	
		Chiều dài túi (đo giữa)	16	16,5	17	
		Chiều dài túi (2 bên)	1 ,5	15	15,5	
		Chiều rộng miệng túi	12,5	13,5	14,5	
		Chiều rộng đáy túi	13,5	14,5	15,5	
		Chiều rộng đáp miệng túi	2,5	2,5	2,5	
		<i>Cổ áo</i>				
		Chiều rộng cổ	37	39	41	
		Chiều rộng giữa cổ	4,5	4,5	4,5	
		Chiều rộng giữa chân cổ	3,5	3,5	3,5	
		Chiều dài má cốt	7,5	7,5	7,5	
		<i>Thùa khuyết, đính cúc</i>				
		Tâm khuyết trên cùng cách chân cổ	9	9	9	
		Tâm khuyết dưới cùng cách mép gấu	13,5	14	14	
		Chân cúc trong cách đường mí bụng tay	3	3	3	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn			
		Chân cúc trong cách chân cúc ngoài	4	4	4
		II. Quần			
		<i>Thân trước</i>			
		Chiều dài quần	37	39	41
		Chiều rộng ngang đũng thân trước	33,5	33,5	33,5
		Chiều rộng cạp thân trước	25	25	27
		Chiều rộng ống thân trước	26,5	26,5	28,5
		Chiều dài từ cạp đến hết gấu theo đường đũng	39,5	41,5	43,5
		Cửa lườn dây điều chỉnh cách giàng	5	5	5
		Cửa lườn dây điều chỉnh rộng	2,1	2,1	2,1
		Dây điều chỉnh: Chiều dài x chiều rộng	15 x 2	16 x 2	17 x 2
		Dây điều chỉnh cách giàng	3,5	3,5	3,5
		Dây đĩa: Chiều dài x chiều rộng	3 x 0,5	3 x 0,5	3 x 0,5
		Dây đĩa gấu thân trước cách cửa lườn dây điều chỉnh	2	2	2
		Dây đĩa gấu thân sau cách đường mí giàng	5	5	5
		<i>Thân sau</i>			
		Chiều dài quần	37	39	41
		Chiều rộng ngang đũng thân sau	36,5	37,5	38,5
		Chiều rộng cạp thân sau	27,5	28,5	29,5
		Chiều rộng ống thân sau	32	33	34
		Chiều dài từ cạp đến hết gấu theo đường đũng	43	45	47
		Chiều rộng cạp quần	3,5	3,5	3,5
		Chiều rộng gấu	2,7	2,7	2,7
		Vòng cạp đã chun	69	72	75
		Chiều dài dây rút	120	125	130
		<p>- Yêu cầu về cắt</p> <p>+ Các chi tiết cắt dọc vải: Thân áo, tay áo, thân quần;</p> <p>+ Các chi tiết cắt ngang vải: Túi áo.</p> <p>- Yêu cầu về các đường may: Đường may cuốn phải song song thẳng đều:</p>			
3	Dày vải thấp cổ	<p>- Là kiểu giày oxford thấp cổ, có 3 lỗ buộc dây. Mũ giày được làm bằng vải bạt 4x4 và được bồi bằng vải chéo mộc. Phần đế giày được làm từ cao su với công nghệ lưu hóa nóng.</p> <p>- Mép các chi tiết được viền bằng vải katee;</p> <p>- Lót tẩy được bồi 1 lớp EVA 3mm tạo êm.</p>			
4	Mũ mềm	<p>a) Kiểu mẫu</p> <p>Kiểu mũ lưỡi trai; thành mũ và đỉnh mũ liền vải hình bát giác được chiết tám góc tạo thành mũ. Giữa trán mũ hình chữ nhật có tán ô dề để đeo quân hiệu, liền kề với trán mũ là thành mũ hình thang. Hai bên thành mũ được tán ba ô dề thoát khí. Trán mũ, lưỡi trai và cầu mũ có dụng định hình. Phía trong vành mũ có lót lưới xốp. Phía sau mũ có chun để điều chỉnh kích thước vòng đầu.</p> <p>b) Màu sắc: In loang theo màu Lục quân.</p>			
5	Quần áo trọng tải	<p>- Chất liệu vải KAI-Lascool với công nghệ bo dệt 4D matrix cao</p>			

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<p>cấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Form sườn, tay thường, lai bằng giúp di chuyển linh hoạt; - Phối vai + ép chìm hoạt tiết tăng độ nhận diện; - Logo bình chủng silicon + phản quang; - Màu sắc: Đen; - Size: M=05 bộ; L=05 bộ; XL = 25 bộ; XXL=05 bộ.
6	Quần áo huấn luyện viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu từ vải Polyspun hoặc mesh thoáng khí; - Kiểu dáng: Thiết kế tron, phom áo suông, cổ áo chắc chắn, không chùng xuống; - Logo bình chủng silicon + phản quang; - Màu sắc: Trắng phối vàng, xanh; - Size: L=20 bộ; XL = 30 bộ; XXL=10 bộ.
7	Quần áo Pickleball	Gồm 1 áo cộc tay cổ bẻ, 1 quần cộc; chất liệu vải 95% Polyester, 5% spandex; co giãn 4 chiều; kiểu dệt lỗ thoáng mát; họa tiết trên áo theo yêu cầu; màu nhuộm chuyển nhiệt xanh, đen; được in chữ và số theo yêu cầu; trong đó: Size M =10 bộ; L=35 bộ; XL=35 bộ; XXL=10 bộ.
8	Quần áo bóng đá Egan	Gồm 1 áo cộc tay cổ bẻ, 1 quần cộc; chất liệu vải 95% Polyester, 5% spandex; co giãn 4 chiều; kiểu dệt lỗ thoáng mát; họa tiết trên áo theo yêu cầu; màu nhuộm chuyển nhiệt xanh, đen; được in chữ và số theo yêu cầu; trong đó: Size M =30 bộ; L=45 bộ; XL=117 bộ; XXL=30 bộ.
9	Quần áo bóng chuyền	<p>Chi tiết sản phẩm áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thun lạnh co giãn 4 chiều, nhẹ nhàng, mềm mịn, thoáng thấm hút mồ hôi tốt. - Đường may được gia công tỉ mỉ, chắc chắn, phối viền, dập gân nổi cổ và tay áo. - Form regular-fit (chuẩn form châu á). - Màu sắc tự nhiên, trung tính, rất dễ mix với áo khi tập luyện hoặc phối cùng trang phục hàng ngày. <p>Chi tiết sản phẩm quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thun co giãn 4 chiều. - Vải mịn, co giãn thấm hút mồ hôi tốt, không nhăn, không đảo. - Sản phẩm co giãn tốt, bề mặt vải không nhăn, đường chỉ may tỉ mỉ, tinh tế. - Màu sắc khỏe khoắn và cá tính. <p>Hàng có đủ các size: Size L=40 bộ; XL=80 bộ; XXL=45 bộ.</p>
10	VNT	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Tỷ lệ sợi bông và Polyester là 65/35 có độ bền cao. Tổng số sợi dọc 6.330 sợi. Sợi dọc và sợi ngang của thớ vải được dệt bằng sợi 20/1, sợi gồm 83% Polyester và 17% Cotton hoặc 65% Polyester và 17% Cotton; - Màu sắc: Màu cỏ sân gôn; - Kích thước: R100cm x D200cm.
11	VB	Vải bạt in loang có khả năng chống thấm nước và chống ẩm cao; chống tia UV; được phủ PVC, phủ acrylic cả 2 mặt. Thành phẩm phải có 3 lớp khác nhau mặt trên bạt sẽ có độ mịn màng bóng loáng; phần giữa trong bạt làm bằng sợi similit thủy tinh. Kích thước khổ 1 tấm (Dài x rộng): 15m x 2 m = 30m ² ; yêu cầu: 1 tấm bạt nguyên khổ chiều dài = 15m, chiều rộng được ghép bằng 2 mảnh = 2m. Bốn viền xung quanh tấm bạt phải được may gấp mép.
12	TTP	a) Các chỉ tiêu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn																																	
		<p>Sản phẩm sau khi sản xuất phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật được chỉ ra trong bảng sau:</p> <table border="0"> <tr> <td>TT</td> <td>Tên chỉ tiêu</td> <td>Mức</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Ngoại quan</td> <td>Túi màu in loang, có dây đeo</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kích thước (dài x rộng x cao)mm</td> <td>460 ($\pm 10,0$) x 105 ($\pm 5,0$) x 300 ($\pm 5,0$)</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Khả năng chứa vật nặng, kg, không nhỏ hơn</td> <td>5,0</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Độ bền đường may dây đeo, kN, không nhỏ hơn</td> <td>70</td> </tr> </table> <p>b) Yêu cầu về vật liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu chung + Các loại nguyên vật liệu đưa vào sản xuất yêu cầu phải phù hợp với bản điều kiện kỹ thuật này (ĐKKT). Chất lượng của nguyên vật liệu phải thỏa mãn các đặc điểm tính chất lý, hóa theo tiêu chuẩn công bố áp dụng của nhà sản xuất và các điều kiện kỹ thuật của nó được trình bày trong tiêu chuẩn vật tư đầu vào + Nguyên liệu khi nhập về phải còn hạn sử dụng, nhãn mác rõ ràng; + Trường hợp không có nguyên vật liệu theo yêu cầu của bản ĐKKT này, cho phép sử dụng nguyên vật liệu có các chỉ tiêu kỹ thuật tương đương. - Yêu cầu nguyên, vật liệu đầu vào <p>TTP và dây đeo được may bằng vải Xicaro. Vải Xicaro đáp ứng với các chỉ số phải đáp ứng được chỉ ra trong bảng</p> <table border="0"> <tr> <td>TT</td> <td>Thông số</td> <td>Mức</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Khối lượng diện tích, g/m², không lớn hơn</td> <td>200</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Độ bền kéo đứt, MPa, không nhỏ hơn</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Độ giãn dài khi đứt, %, không lớn hơn</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Độ bền xuyên thủng, N, không nhỏ hơn</td> <td>300</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Độ bền xé, N, không nhỏ hơn</td> <td>40</td> </tr> </table> <p>c) Yêu cầu chi tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước đạt theo mẫu; - TTP phải được chế tạo có kích thước theo mẫu sản phẩm. Quá trình sản xuất bảo đảm sai số trong phạm vi cho phép, các sản phẩm lỗi cần được loại bỏ; - TTP được sản xuất phải chắc chắn, các đường may bảo đảm độ đồng đều và độ bền theo yêu cầu. 	TT	Tên chỉ tiêu	Mức	1	Ngoại quan	Túi màu in loang, có dây đeo	2	Kích thước (dài x rộng x cao)mm	460 ($\pm 10,0$) x 105 ($\pm 5,0$) x 300 ($\pm 5,0$)	3	Khả năng chứa vật nặng, kg, không nhỏ hơn	5,0	4	Độ bền đường may dây đeo, kN, không nhỏ hơn	70	TT	Thông số	Mức	1	Khối lượng diện tích, g/m ² , không lớn hơn	200	2	Độ bền kéo đứt, MPa, không nhỏ hơn	10	3	Độ giãn dài khi đứt, %, không lớn hơn	10	4	Độ bền xuyên thủng, N, không nhỏ hơn	300	5	Độ bền xé, N, không nhỏ hơn	40
TT	Tên chỉ tiêu	Mức																																	
1	Ngoại quan	Túi màu in loang, có dây đeo																																	
2	Kích thước (dài x rộng x cao)mm	460 ($\pm 10,0$) x 105 ($\pm 5,0$) x 300 ($\pm 5,0$)																																	
3	Khả năng chứa vật nặng, kg, không nhỏ hơn	5,0																																	
4	Độ bền đường may dây đeo, kN, không nhỏ hơn	70																																	
TT	Thông số	Mức																																	
1	Khối lượng diện tích, g/m ² , không lớn hơn	200																																	
2	Độ bền kéo đứt, MPa, không nhỏ hơn	10																																	
3	Độ giãn dài khi đứt, %, không lớn hơn	10																																	
4	Độ bền xuyên thủng, N, không nhỏ hơn	300																																	
5	Độ bền xé, N, không nhỏ hơn	40																																	
13	CCHB	Chất liệu vải lụa; kích thước cao 800x rộng 1200mm, có lỗ luồn cán rộng 30mm; màu đỏ=2; màu vàng=2.																																	
14	CGH	Chất liệu vải lụa; kích thước cao 1000x rộng 500mm, có lỗ luồn cán rộng 30mm; màu đỏ.																																	
15	CDB	Chất liệu vải lụa; kích thước cao 250x rộng 400mm, có lỗ luồn cán rộng 20mm; màu đỏ; cán làm bằng gỗ vót tròn, đường kính 1,5cm, dài 400mm, sơn màu cánh gián																																	
16	BTV	Chất liệu vải lụa; kích thước cao 80mm x đường kính 180.2mm; màu đỏ, mép màu vàng; chữ được thêu bằng tay, chiều cao chữ 30mm, chiều rộng nét chữ 4mm, chiều rộng mỗi chữ cái 16mm, khoảng cách giữa các chữ 5mm.																																	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
17	CĐN	Chất liệu vải lụa; kích thước 250x300mm, có lỗ luôn cán rộng 20mm; màu đỏ; cán làm bằng sắt phi 16 tron, dài 600mm, 1 đầu cắt nhọn
18	Cờ lưu niệm 30x40	- Chất liệu: Vải lụa phi bóng, cán bằng gỗ và được trang trí bằng cách may viền tua rua; - Màu sắc: Nền đỏ, khung và chữ màu vàng; - Kiểu dáng: Hình lá đề; - Kích thước: 30x40cm.
19	Cờ thưởng 60x80cm	- Chất liệu: Vải lụa phi bóng, cán bằng gỗ và được trang trí bằng cách may viền tua rua; - Màu sắc: Nền đỏ, khung và chữ màu vàng; - Kiểu dáng: Hình chữ nhật; - Kích thước: 60x80cm.
20	Hồng kỳ	- Chất liệu vải phi bóng; - Màu sắc: Đỏ; - Kích thước: 70x100cm.
21	Xanh kỳ	- Chất liệu vải phi bóng; - Màu sắc: Xanh nõn lá chuối; - Kích thước: 70x100cm.

** Ghi chú: Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải giải trình, chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.*

1.3. Các yêu cầu khác

- Cam kết Có bản gốc (hoặc chứng thực) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) do Nhà chế tạo/Nhà sản xuất cấp, các hồ sơ thử nghiệm/thí nghiệm do Nhà chế tạo/Nhà sản xuất cấp, hoặc Biên bản nghiệm thu xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước đối với các hàng hóa.

- Nhà thầu có cam kết cung cấp hàng hóa và hỗ trợ các dịch vụ kỹ thuật kèm theo (nếu có)

- Nhà thầu cung cấp: Cam kết bằng văn bản về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm cung cấp và Cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho Chủ đầu tư trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do bên bán cung cấp.

- Đối với các hàng phải gia công sản xuất nhà thầu phải chứng minh khả năng cung cấp, bảo hành hàng hóa theo đúng yêu cầu của E-HSMT

- Nhà thầu phải chứng minh nguyên liệu sản xuất phù hợp, đáp ứng đúng yêu cầu của E-HSMT

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Hồ sơ tài liệu khi bàn giao, nghiệm thu; CO, CQ và các tài liệu chứng minh hàng hóa được sản xuất chính hãng.

Công tác an toàn khi thực hiện vận hành thử nghiệm: Tuyệt đối tuân thủ theo quy định về an toàn theo quy trình được quy định. Trước khi thực hiện vận hành thử nghiệm, nhà thầu phải có trách nhiệm trình Chủ đầu tư (các bên liên quan (nếu có)) về quy trình an toàn khi vận hành và thử nghiệm và phải thực hiện kiểm tra nghiêm túc, được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và các bên liên quan (nếu có) mới được thực hiện.

Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu như trong E-HSMT đã yêu cầu thì bên chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng. Và bên nhà thầu phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác có chất lượng tương đương hoặc cao hơn nhưng phù hợp và phải được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu không đáp ứng được thì bên nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bên mình gây ra

Kiểm tra và thử nghiệm phục vụ công tác kiểm định, thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng: Thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý chuyên môn và quy định pháp luật.

